

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỔNG

QUYỂN 5

(Chính Truyện Mười Bốn vị - thêm năm vị.)

1. Truyện Pháp Tạng Chùa Phật Thọ Ký ở kinh thành Lạc Dương đời Chu:

Thích Pháp Tạng, tự Hiền Thủ, họ Khương, người ở Khang Cư, phong độ chân chính lạnh trí tuyệt vời, đi khắp Trường An, càng biểu lộ tài năng, được chọn vào hạng danh tăng, thuộc hệ phái của Trang sư dịch kinh. Trước làm các vào công việc, sau làm việc ghi chép, chứng nghĩa, nhuận văn do kiến thức bất đồng với nhau mà rời khỏi dịch trường. Đến đời Thiên hậu, sự truyền dịch của Sư mới làm nên số phận, lúc bấy giờ, Thật-xoa-Nan-Đà mang bản Phạn kinh Hoa Nghiêm đến, cùng với Nghĩa Tịnh, Phục Lễ dịch ra kinh mới, lại ở dịch trường Nghĩa Tịnh cùng Thắng Trang, Đại Nghi làm chứng nghĩa. Ngày xưa, Đỗ Thuận ở đôn Hoàng truyền Hoa Nghiêm pháp giới quán, Sư cùng đệ tử Trí Nghiễm giảng trao những bản dịch này, Trí Nghiễm giao phó cho Sư, Sư giảng kinh Hoa Nghiêm bản tân dịch Võ Tắc Thiên nghe. Đến Thiên Đế vâng nghĩa thập trùng Huyền môn, hải ấn tam-muội môn, Lục tướng hòa hợp nghĩa môn, phổ nhãn cảnh giới môn, các nghĩa chương này đều là Hoa Nghiêm tổng biệt nghĩa vông, giữa lúc nhà vua chưa biết quyết định ra sao, thì Sư bèn chỉ ngay con sư tử bằng vàng trên trần điện làm thí dụ, vì vậy mà soạn ra pháp nghĩa môn, đường tắt dễ hiểu lấy tên là Kim Sư Tử chương, trình bày tướng chung riêng của mười môn, vua bèn khai ngộ được ý chỉ, lại vì người học không nắm rõ mà lập phương tiện, an bày mười mặt, tám góc của gương, trên dưới, mỗi nơi đều có, cách nhau hơn một trượng, trong mỗi mặt đối nhau đặt một tượng Phật, đốt một cây nến để chiếu sáng, vì vậy mà người học hiểu được cái nghĩa của Phật là vô tận vô biên, Sư khéo léo dẫn dụ đều là như vậy, đến lúc các phạn tăng nghỉ dịch, vua Triệu Sư giảng kinh tại chùa Phật Thọ ký, giảng tới phẩm Hoa tạng thế giới, bỗng nhiên trong giảng đường và chung quanh nhà chùa

đều rung chuyển, Đô Duy na tặng Hằng Cảnh đều viết biểu tấu lên, ban sắc rằng: “Nghe diễn giảng vi ngôn nêu rõ về bí pháp, ngày mới dịch kinh trăm đã mộng thấy cam lộ tốt lành, buổi khai giảng thì rung chuyển động trời đất, đây là Như Lai giáng tích, được như vậy lòng trăm rất vui mừng, Hoa Nghiêm tông chủ là Trừng Quán, nay đề cử Pháp Tạng là đệ tam tổ, biên soạn Bát-nhã Tâm kinh, được người đương thời quý trọng, khắp trong nước lưu hành, lại gọi bằng hiệu Khương Tạng Quốc sư.

2. Truyện Hằng Cảnh Chùa Ngọc Tuyền Ở Kinh Châu Đời Đường:

Thích Hằng Cảnh, họ Văn, người Đường Dương, vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ 22, Sư được vua ban sắc được nghe học Tam tạng, hễ nghe qua thì tụng được, như lời dạy mà thực hành, ban đầu theo luật sư văn cương học tập tỳ-ni, sau vào chùa Ngọc Tuyền tại núi Phúc Chu, theo thiền sư Trí giả tu pháp môn chỉ quan, cách phía Nam mười dặm lập tịnh xá riêng, hiệu Long Hưng. Từ đời Thiên Hậu vua Trung Tông, Sư được vời vào cung, cúng dường làm Thọ giới sư. Niên hiệu Cảnh Long năm thứ ba, Sư tấu trình xin thỉnh về núi, được nhà vua chấp thuận, lệnh cho Trung Thư môn hạ và học sĩ, thiết chay trong đạo tràng tại cung Lâm Quang, mời thêm các cao tăng cùng người có nghĩa hạnh hai mươi mấy vị, thường hay tu phước trong nội điện đến dự, đưa tiễn Hằng Cảnh cùng Đạo Tuấn và Huyền Trang mỗi người về quê. Nhà vua đích thân ngâm thơ, các học sĩ ứng họa, đó là Trung thơ lệnh Lý Kiều, Xá nhân Lý Hựu, v.v... Bấy giờ, Sư nhận lấy những bài thơ chống gậy mà đi. Sư soạn Thuận Liễu nghĩa luận, hai quyển, Nhiếp chánh pháp luận, bảy quyển, Phật Tích Luận, hai quyển, người học như đang khát mà được nguồn nước. Đến niên hiệu Tiên Thiên năm đầu, ngày 25 năm tháng 9, Sư qua đời tại chùa Ngọc Tuyền, thọ bảy mươi chín tuổi, đệ tử an táng tại phía Tây chùa.

3. Truyện Nhất Hạnh Chùa Tung Dương Ở Trung Nhạc Đời Đường:

Thích Nhất Hạnh, họ Trương người Cự Lộc, vốn tên là Toại Tắc, tuổi nhỏ đã thông minh lanh lợi, có phong độ lão thành, đọc sách không cần xem lại đã tụng thuộc lòng, vì gặp Thiền sư Phổ Tịch đại hạnh thiền yếu, người quy tâm rất đông, Sư bèn ngộ đời là huyện, báỉ Phổ Tịch làm thầy, xuất gia cạo tóc. Tịnh sư thường hay tổ chức đại hội, Sa-môn xa gần đúng ngày giờ đều đến, mỗi lần có cả ngàn vị tham dự, lúc ấy có

Trung sĩ Lư Hồng ẩn cư ở núi khác, đạo cao học giỏi, triều đình thỉnh cầu mấy lần nhưng đều từ chối, chủ sự đại hội thỉnh lư Hồng làm văn tự để táng dươn xã ấp. Ngày ấy Hồng rút từ trong tay áo ra một bài văn để trên bàn, giờ tập hợp đã đến. Lư Hồng nói với Phổ Tịch rằng: “Bài văn này có cả ngàn lời, lại thuộc về văn xưa, hãy để ta chỉ cho đọc qua một lần, Phổ Tịch gọi Nhất Hạnh đến, Hạnh lật ra xem xong mỉm cười vẫn để lại trên bàn, rồi lại bỏ đi làm việc khác, trong lòng Lư Hồng thầm trách người thanh niên này khinh tiện như vậy, đến khi chúng tăng tập hợp đông đủ, Hạnh bước lên diễn đàn mở giọng đọc từ đầu đến cuối, không một lời nào vấp cả, Lư Hồng nhìn ngơ ngác một hồi lâu, thật là cảm phục vô cùng, lại nói với Phổ Tịch rằng: “Chẳng phải ngài thì không dạy bậc nhân tài như vậy được, nên hãy cho đi du học”.

Nhất Hạnh được Lư Hồng và Phổ Tịch bàn bạc khuyến khích đi du học, tự nhiên tìm đến các bậc danh sư của kinh luận luật mà theo học, nhân đến trực tăng Dương Dương soạn thành bài tự luật tạng, tìm hiểu sâu về tỳ-ni, còn có những sách của âm Dương sám vĩ, đều được nghiên cứu tỉ mỉ, tìm thầy hỏi bạn các nơi không dưới mấy ngàn dặm đường, sau cùng đến chùa Quốc Thanh thuộc núi Thiên Đài, thấy một ngôi viện, tùng già bao quanh, một khe suối êm lặng, Hạnh đang đứng ngoài cửa ngắm cảnh, bỗng nghe trong viện có tiếng bàn tán, xong gọi người hầu rằng: “Hôm nay sẽ có đệ tử từ xa đến cầu học toán pháp của ta, ta đã nghĩ khi đến trước cửa không ai dắt dẫn, bèn tức khắc bỏ một con toán, lại gọi người hầu rằng: “Trước cửa, nước đã chảy ngược về phía Tây, đệ tử sẽ đến, Hạnh nghe vậy liền bước vào, thỉnh cầu thầy truyền cho bí quyết, giữa lúc này nước lại chảy về hướng Đông như bình thường. Kể từ đấy tiếng tăm lẫy lừng khắp xa gần, các công khanh đều yêu chuộng, vua Huyền Tông hay được vời Sư vào kinh hỏi rằng: “Sư có những tài năng gì?”

Nhất Hạnh tân: “Chỉ có xem qua là nhớ, ngoài ra không có gì hay”.

Nhà vua cho mang sổ sách trong cung ra, Hạnh lật xem sơ qua, rồi lại đọc như thuộc lòng tự bao giờ.

Nhà vua bước xuống ngai vàng, cúi đầu chào rằng: “Ngài thật là một bậc thánh, rồi lại gọi dự đoán về họa phúc, Hạnh thao thao bất tuyệt như lật trong lòng bàn tay mà ra, lời nói có rất nhiều sự bổ ích.

Lạc Hạ Hoằng đời Hán soạn lịch có nói rằng: “Tám trăm năm sẽ có sai lệch một ngày, đến lúc ấy sẽ có bậc thánh quyết định, năm nay đã đúng với kỳ hạn, xuất xứ từ đại điển lịch, đính chính lại sự sai lệch,

quả thật đúng với lời nói của Lạc Hạ Hoàng, nếu chẳng phải bậc thánh sao đoán biết được như vậy? Lại trong Kim Cương Tam tạng học, Đà-La-Ni bí ấn, lên trước Phật đàn thọ Pháp vương bảo, Sư lại cùng Tam Tạng Vô úy dịch Kinh Tỳ-lô-giá-na, mở ra hậu Phật quốc, Mật tạng ấy sẽ truyền đến uyên phủ. Vua Duệ Tông và Huyền Tông cùng thỉnh vào trong Tập Hiền Viện, ban cho trụ chùa Hưng Đường, các kinh đã dịch được soạn số bảy quyển. Nhiếp điều phục tạng sáu mươi quyển, Thích thị hệ lục, một quyển, Khai Nguyên Đại Diễn Lịch năm mươi hai quyển. Lịch ấy biên vào Đường thơ lịch luật chí. Còn tạo ra Hoàng đạo và xích đạo để làm thanh quy.

Tại quê nhà, có một bà lão nhà họ vương, năm xưa Hạnh gặp cảnh cùng khó, bà thường hay giúp đỡ, đến khi Hạnh được hiển danh cũng thường nghĩ đến việc báo đáp, một hôm, bà lão bỗng đích thân tìm đến gặp Hạnh, vì con bà giết người, sắp bị hành tội, biết Hạnh nay đã được nhà vua sùng trọng, cho nên đến nhờ Hạnh xin vua được tha miễn tội chết, để phụng dưỡng mẹ già, khóc lóc lạy van nài mấy lần.

Hạnh nói: “Luật pháp của nhà nước, đâu thể niệm tình xin miễn cho được, nói xong Sư tặng cho một số tiền bạc, bảo về nhà tìm cách để sống, bị bà ấy mắng cho một trận tả tơi rằng: “Lúc nhỏ giữ bông và nuôi vú cho người, giúp đỡ cho mọi điều, nay trưởng thành có danh vọng rồi quên mất cả.

Hạnh suốt ngày không vui, bấy giờ tính xong bèn gọi Tịnh nhân đến dặn dò rằng: “Ngày mai người lấy túi vải chờ sẵn ở chỗ trống, nơi ấy đến giờ Ngọ, có bầy sinh vật xuất hiện, hãy bắt lấy đem về cho ta. Qua hôm sau định quả thật có bầy thú bảy con, đuổi con mẹ cho bỏ chạy thì bắt con. Hạnh chuẩn bị sẵn cái cũ, khi đem về nhốt toàn bộ vào trong cũ ấy, bịt miệng bằng bùn Lục át, niệm chú vài lần rồi dừng. Ngày hôm sau Ty Thiên Giám vào tâu với nhà Vua rằng: Đêm hôm qua, bảy ngôi sao Bắc Đẩu đều biến đâu mất. Vua quan thì lo sợ bị mất ngôi, dân chúng thì khủng hoảng mùa màng bị thất bát, tật bệnh, chết chóc v.v... Khắp cả kinh thành đều hoảng hốt lo lắng, chỉ cầu cửa Phật dùng tâm từ bi hàng tất cả mà để cứu lấy mọi người, đại xá thiên hạ. Vua Huyền Tông đều nhất mực tuân theo, ngay ngày ban lệnh. Mỗi đêm Hạnh thả một con vật ra, thì có một sao xuất hiện, qua bảy đêm thì trở lại như lúc đầu. Thuật này thật không thể tưởng tượng.

Vào niên hiệu Khai Nguyên gặp hạn hán, vua ban lệnh cho cầu mưa. Dụng cụ phải có một món đồ có hình dạng con rồng, mới có thể tạo ra mưa. Vua ban sắc khiến các quan trong cung đồng ở trong kho

nhìn khắp rồi nói không giống. Mấy hôm sau nhìn thấy trên tấm gương xưa có con rồng nằm, nói rằng: Đây là con rồng thật đấy! Bèn đem vào pháp đàn làm phép, quả thật trong ngày đó có mưa, dị thuật ấy cảm thông đến như thế.

Vua Huyền Tông mời Hạnh vào trò chuyện tại cung Đại Minh, ung dung hỏi lén rằng: Sự lành dữ của đất nước và vận nước như thế nào, Hạnh lẩn tránh không trả lời thẳng. Cho đó là thiên cơ bất khả lộ, nhưng nhà Vua vẫn cứ nài nỉ mãi.

Sư bèn nói: Bệ hạ sẽ có cuộc hành trình muôn dặm, đất nước rất cuộc cũng yên lành thôi, lại trao cho nhà Vua một cái hộp nhỏ, trong đó có đựng đồ, hễ lúc lắc thì có tiếng sục sục, nhưng không được tùy tiện mở ra, khi gặp việc khẩn cấp mới mở. Sau này, nhà Vua lánh nạn đến thành đô, mới nghĩ ra cái hộp ấy, đã đến lúc cần phải mở ra xem, thì ra trong đó chỉ có một vị thuốc Đương quy. Vua nghĩ rằng: Thuốc này sản xuất tại đây, Đại sư đã biết trước trẫm phải chạy nạn đến đây, rồi phải trở về (Đương quy, một vị thuốc mà mang hai ý nghĩa). Trên đường về lại gặp nạn Lý Kiều, nhà vua thán phục rằng: Lời nói của Nhất Hạnh thật là thần kỳ, bèn gọi trong quan sắp bày hương án cúng tế đáp tạ. Thời Chiêu Tông phong cho Sư làm Cát vương, đến Thái tử Đức vương, nhà Đường rốt cuộc bị nhà Lương tiêu diệt, cũng ứng với lời dự đoán của Nhất Hạnh.

Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ 15, nhằm tháng 9, Nhất Hạnh bị bệnh nằm tại chùa Hoa Nghiêm, nằm trên xe vào cung từ già với nhà vua Huyền Tông, đêm ấy nằm mộng nhìn thấy giường dây chỉ cách mở cửa, sáng dậy hỏi lại quả thật như vậy, bèn mời các Đại đức trong kinh thành lập đại đạo tràng cầu nguyện cho Sư. Sư được khỏi bệnh. Ngày mồng 8 tháng 10, Sư theo ngự giá đến Tân Phong, không nói năng gì, bỗng dùng nước thơm tắm gội sạch sẽ, thay áo quần ngồi xếp bằng mà nhập diệt. Có thuyết nói là từ khi đến từ già nhà vua sau đó trực tiếp đến Tung Sơn yết lễ với thầy, tức thiền sư Phổ Tịnh, lúc ấy nhằm Doãn Bùi Khoan ở phủ Hà Nam cũng đến yết kiến ngài Phổ Tịnh, Phổ Tịnh bảo rằng: “Còn bạn chút ít việc, chưa rảnh hầu Đại Doãn, ngài hãy nằm nghỉ cho đỡ mệt, Khoan cho người hầu nhìn theo, thấy chánh điện dọn dẹp sạch sẽ, Phổ Tịnh đốt nhang ngồi tịnh tọa như đang chờ đợi có tiếng gõ cửa, tức thiền sư Nhất Hạnh đến, Hạnh vội vã đi vào, kể tai nói nhỏ với Phổ Tịnh, thể hiện rất cung kính, Phổ Tịnh chỉ gật gật đầu, nói rằng: “Chẳng có gì mà không được cả”. Nhất Hạnh nói xong lại lễ, vừa nói vừa lễ ba lần, Phổ tịch chỉ nói: “chẳng có gì mà không được”. Hạnh nói

xong bước ra chánh điện, đi vào gian phòng phía nam tự mình đóng cửa lại, Phổ Tịch gọi người phục dịch rằng: Mau đánh chuông, Nhất Hạnh đã diệt độ rồi, mọi người đến nơi nhìn thấy Sư đang ngồi nhắm mắt mà tịch, thi thể được quàn tại chùa Võng cực, cho đến ngày chôn kéo dài hai mươi bảy ngày, móng tay chân đều không thay đổi, râu tóc còn lại dài thêm, vẻ mặt vẫn còn tươi tỉnh. Nhà vua đau lòng nói rằng: Thiên sư bỏ trần rồi, việc an táng do triều đình lo liệu, vua ban chiếu an táng tại cao nguyên Đồng Nhân. Ban thụy là Đại Tuệ Thiên sư, vua soạn bài minh trên tháp. Người xuất gia trong nước đều lấy làm vinh hạnh.

4. Truyện Trí Thăng Chùa Tây Sùng Phước ở Kinh Triệu đời Đường:

Thích Trí Thăng, học thông nghĩa lý của Đại Tiểu Thừa, lại giỏi về tỳ-ni, ngoài ra văn chương cũng rất thông suốt xưa nay. Thường hay bất mãn về Nhiếp Đạo Chân. Đạo An, cho đến Minh Thuyên và Tuyên luật sư... mỗi vị đều soạn Đại tạng Mục Lục Ký, ghi chép các nhân vật với niên đại phiên dịch truyền bá, gọi là Tấn Lục, Ngụy Hán lục, v.v... Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười tám, Sư soạn Khai nguyên Thích giáo lục hai mươi quyển, rất tinh yếu nhất. Vì sao? Vì các vị sư trong cùng một bản, từ bản cũ biến ra tên mới, dùng văn thật giả lẫn lộn với nhau, hoặc một kinh làm thành hai bản, hoặc làm tách ra riêng lẻ, hay cắt xén bớt, có thể gọi là ngăn chặn nguồn gốc lộn xộn từ đây về sau. Trình Nguyên Lục của ngài Viên Chiếu sau này. Văn thể so với ý gốc khác nhau chẳng biết là mấy ngàn dặm. Trong niên hiệu Lân Đức, ngài Đạo Tuyên soạn Nội điển lục, mười quyển, Tĩnh Mai soạn Đồ kỷ bốn quyển, Thăng mỗi thứ soạn tiếp tục một quyển.

5. Truyện Viên Huy chùa Trung Đại Vân đời Đường (Hoài Viễn - Sùng Đức).

Thích Viên Huy, trong giới quan phụ tiếng tăm rất nổi, chuyên nghiên cứu về tính tướng, khéo đạt các tông, lúc nhỏ pháp môn Câu-xá là thích ý nhất. Lúc ấy, Lê bộ Thị lang từng quy y tâm Phật môn, ưa thích văn này, thường mời Sư đến bàn về tướng tông này, nhưng điều gì khó thì chớ tưởng thấy, những gì phức tạp thì không có đầu đuôi, vì vậy mà nhờ Sư nêu ra khái quát, rốt cuộc số nghĩa của Quang sư phức tạp khó tìm, lại có luật sư Hoài Viễn ở chùa Thánh Thiện, tâm nguyện hợp với nhau, vì tiết lược cổ sơ, nên hễ tụng thì dịch lại luận điệp còn thích luận thì trích dẫn mà ghi chú là con đường tắt, người học dễ hiểu. Sau

đó Sùng Dực, biên soạn Kim Hoa sao mười quyển. Sau hai Sư Quang và Bảo. Huy Công xen kẽ mà ra, hai kinh giữa lưỡng hà, trên đường bộ hay dưới mặt sông, biểu hiện cùng với Yến, Tề, Sở, Thục đều thành hành số của Huy.

6. Truyện Huyền Dật Chùa Hoa Nghiêm ở Kinh Triệu đời Đường:

Thích Huyền Dật, họ Đậu, là bậc chú, bác bên vợ của Vua Huyền Tông, anh em hay cháu đều làm quan trong triều đình, nhưng họ nào tự khoe tài giỏi, nào ỷ vào tước bậc cao thấp mà chống đối với nhau. Huyền Dật thì dáng vẻ sáng suốt khác hơn người, ngộ dấu vết của sắc không đều đến nơi chân tịch, xem Trấu cám hay Cao lương đều quý, hình ảnh tăng thô mà sánh bằng với bậc cao sang, ở ẩn nơi Phật thất mà xem xét thông lý. Một hôm, Sư than văn rằng: Bậc Thánh trước đây biên soạn sai lệch, lại thêm sao chép nhảm hàng, đối chiếu mất câu, như kiền-độ mất Giáp Điệp, ngày càng sai lầm. Sư bèn y cứ theo chương mục xưa nay đã biên soạn, đính chính các kinh. Chữ sai mà nghĩa rõ thì sửa lại, phẩm sai mà lý sâu thì dựng lại, ngày đêm miệt mài cực nhọc vì tu nghiệp. Chẳng phải tấm lòng sắt đá, ý chí bền vững, thì làm sao đạt được như vậy, đã tổng kết được những danh mục, theo thứ lớp mà không rối, đều làm thành ba mươi quyển. Gọi là Thích Giáo Quảng Phẩm Lịch Chương. Xét về kinh luận của Đại Tiểu thừa cùng Đông Tây Sĩ Hiền Thánh Tập gồm một ngàn tám mươi bộ, lấy giấy sách của hai ấp Bồ Châu và Cộng thành hiệu đính được bao nhiêu đều đóng thành tập để đời sau đọc mà không chán, những trang sách ấy rất quan trọng, thêm vào những mặt chưa có, giữ lại những mặt tốt của ngày xưa. Có Lạc Lăng Phủ Doãn Linh Thâm soạn lời tựa. Về sau, Sư mất ở đâu không rõ.

7. Truyện Đạo Nhân Chùa Thanh Long ở Trường An đời Đường:

Thích Đạo Nhân, họ Trường Tôn, người ở Cao Lăng thuộc Trường an. Cha là Dung Điền Trung Thị ngự sử. Mẹ họ mẹ Mã, mộng thấy mây năm mầu che phủ trên nóc nhà mà thụ thai, ngày đêm mẹ hay nghe giảng đọc kinh đại thừa, ngày đêm không thôi. Ý thực hành thai giáo của Thái Nhậm, đến khi sanh, Sư có mùi hương lạ nồng nàn, mà sanh ra, vẻ mặt tuần tú, học vấn rành rẽ, thi đậu bậc Tiến sĩ, tiếng tăm nổi trong thôn xóm. Có một Phạn tăng gõ cửa xin cơm, ăn xong xin tá túc lại một đêm. Nhân tiếp chuyện thấy lời nói Sư đều có lý lẽ, vị tăng rất tán thưởng, sáng hôm sau, từ giã ra đi. Vừa mới ra khỏi cửa, bỗng không

thấy bóng dáng vị tăng đầu cả. Sư do đó quyết lòng cầu xin được xuất gia, tu thân niệm Phật. Tuy có nước trăm trượng mà không che được mây, vua chúa, người thân nào mà cản được lòng mạnh mẽ vào đạo, bèn đến chùa Chiêu Phước bái Luật sư Thận Ngôn làm thầy, học hỏi liên tục, đến khi thọ giới cụ túc, Sư chuyên học môn luật, lại hiểu sâu kinh luận, như vậy nội, ngoại đều thông. Lúc ấy, Pháp sư phục lễ giỏi về văn. Gọi Sư bảo rằng: Người còn trẻ, có thể vì ta làm một bản Tây phương tán, Sư miệt mài không ngừng bút, lối hành văn thanh lịch, thể hiện nước Phật trong sạch, cảnh vật trang nghiêm như hiện ra trước mắt. Pháp sư Phục lễ đọc xong, nói với các Đại đức rằng: Thật là bậc kỳ tài không thể tưởng tượng nổi. Kể từ đó việc luyện tập viết lách ngày đêm Sư chuyên cần, phục Lễ quý về phong cách ấy, thường hay khen ngợi giữa chúng rằng: Lý luận của Đạo Nhân thể như suối chảy, làm văn bản tâu lên Triều đình. Huyền tông du hành đến Lạc Nam, ban cho tùy giá, ngự sử Lý Tịnh cùng thỉnh về chùa Thiên Cung Giảng kinh Tịnh nghiệp chương, sơ ấy cũng do chính tay Đạo Nhân biên soạn, lúc ấy thiền sư Nhất Hạnh là bậc tông tượng của cả nước, đang lo lắng về Phật pháp tương lai ai có thể bảo vệ, ai có thể tuyên dương, tấu xin triệu tập các vị tăng tài ba trong thiên hạ, tập trung về chùa Phước Tiên ở kinh thành Lạc Dương, dựng lên Luận trường. Đạo Nhân được đề cử, bước lên diễn đàn đầu tiên, với Du-già, Duy Thức và Luận Nhân Minh Bách Pháp, dựng lập đại nghĩa sáu khoa, tranh luận với các sư, mọi người đều khuất phục.

Nhất Hạnh kinh ngạc nói rằng: Trụ cột của Đại pháp đã ứng hiện ra, lòng ta đã có chỗ nương tựa, dầu chết cũng không hối tiếc, khi trở về gọi Sư cùng theo. Hạnh bị bệnh, nhà Vua ban thuốc chữa trị, khi khỏi bệnh. Vua ban lệnh từ Đông cung trở xuống đến cửa phẩm đều thiết trai tiễn đưa. Nhất Hạnh đưa Đạo Nhân ra thay mặt. Pháp sư xong, Tể tướng Trương Thuyết nắm tay Nhân nói rằng: “Cửa Phật người tài giỏi ít có, xin phép nói ra một bản để lại”, do vậy mà văn ấy lưu hành khắp trong nước. Niên hiệu Khai nguyên năm thứ 18, nhằm để xem xét sự cao thấp của hai giáo phái, Đạo Nhân biện luận mạnh mẽ, Đạo sĩ Doãn Khiêm đối đáp sơ sót, nhà vua khen tặng không ngớt lời, ban cho năm trăm xấp vải lụa. Đạo Nhân soạn riêng một bản Đối Nghi Luận, thỉnh hành đến đời sau, tiếp theo soạn Đại thừa Pháp Bảo, Ngũ Môn Danh Giáo cùng Tín Pháp Nghi đều một quyển, Duy Thức sơ sáu quyển, Ngự Chú Kim Cương kinh sơ, sáu quyển.

Ban đầu, vua Huyền Tông chú thích kinh, đến chỗ nếu có người tội

nghiệp đời trước đáng đọa vào đường ác cho đến có tội nghiệp thì được tiêu diệt, cảm thấy hoài nghi, nghĩ là có thể do giải sai hay là nghĩa riêng của một vị sư nào, bèn gọi Đạo Nhân chọn lọc công lực của kinh, mổ xẻ phải trái.

Đạo Nhân tâm rằng: Phật lực, kinh lực, mười thánh ba hiền đều không thể lường. Bệ hạ nhiều kiếp đến nay đối với hội Bát-nhã lắng nghe và huân tập bất nhất, càng chú tưởng thì tự phát hiện hành. Lúc ấy, nhà vua hoát nhiên nhớ lại những việc đời trước, hạ bút không còn dính mắc nữa. Tiếp tục gọi Đạo Nhân soạn sớ, khắp nơi nghe tiếng, môn đồ nối tiếp nhau đến, giảng tân sớ tại chùa Thanh Long, thính giả cả ngàn, đến với hai chùa Tây Minh và Sùng Phước, giảng đường đều đắp bằng đất thơm, từ dưới nước đắp lên mặt đất, sự sang trọng và trang nghiêm đứng vào bậc nhất trong kinh thành.

Vào niên hiệu Khai Nguyên năm thứ 28, Nhân bị bệnh sắp qua đời, bảo đệ tử mang biểu dâng lên rằng: Mạt phẩm được sống nhờ mưa sương, được cùng hàng ngũ với tăng ni, tự tu tinh luyện, tuy thường được khoác áo Cà-sa, cầm gậy mà đi thưa thả thanh nhân, công đức huyền diệu, phu dương chân hóa, chẳng gọi là cù lao, mến học vôi vàng dưỡng sanh.

Ngày 16 tháng này ruột gan co thắt, thuốc thang không cứu chữa được, cửa sổ tự lấp, tấm gột gió mát. Lúc chiều tối ra đi, có định trước an táng tại Thương lũng, không còn yết kiến bệ son, nhà vua rất đau thương, khiến Trung sử Nội cấp sự. Giả Văn Uy đem năm mươi xấp vải lụa đến chùa điếu tặng, được Hoàng ân truy điếu, sống vinh quang, chết bi ai, sáng sửa trong hàng tăng, thọ bảy mươi ba tuổi, năm mươi ba tăng lập, ngày 12 tháng 8 năm ấy, an táng cạnh vườn Tiêu Dao núi Chung Nam, có xây tháp trắng để tôn thờ lại.

8. Truyện Lương Bôn Chùa An Quốc Kinh đô đời Đường:

Thích Lương Bôn, họ Quách, người ở Ngu Hương thuộc Hà Trung. Gia đình nhiều đời làm quan, nên không có người tu hành. Bôn biết nhìn xa hiểu rộng, phong cách siêu việt, ngoài thông về phần điển, trong hiểu về kinh luận, cách giải nghĩa không ai thêm bớt được. Trong thời niên hiệu Vĩnh Thái, Bất không thịnh hành việc truyền kinh dịch sách, thật khó mà tìm người cộng tác, nhân lúc này Sư tham dự vào công việc phiên dịch. Vua Đại Tông thỉnh làm giới sư Bồ-tát. Vì mới dịch kinh Nhân Vương Hộ Quốc, được lệnh soạn sớ giải phân tích rõ ý kinh, lấy chùa ở làm sở mục, gọi là Thanh Long. Kinh này đã có ba bản dịch. Lần

thứ nhất, vào niên hiệu Thái Thủy năm thứ ba đời Tấn, Pháp Hộ dịch một quyển, gọi là Nhân Vương Bát-nhã, lần thứ nhì do La-thập đời Tần dịch, gọi là Nhân vương hộ quốc Bát-nhã Ba-la-mật, tiếp theo do Chân Đế dịch vào niên hiệu Thừa Thánh năm thứ ba đời Lương tại chùa Bảo nhân ở Hồng châu, gọi là Nhân vương Bát-nhã và số sáu quyển, cho nên bản đời Tấn mới dịch tiếng địa phương còn cách biệt, bản dịch đời Lương thì cất giấu không lưu hành, kinh dịch thời Ngụy, Tần lưu truyền khắp nước, chẳng những chỉ nói Ba-la-mật mà còn có thiếu. Chữ đa, thiếu sót về nghĩa, vì vậy mà vua Túc Tông trai tâm gọi đức, thỉnh Bất Không dịch lại, đến khi Túc Tông tuổi già, Đại Tông hoàn thành lời nói của Tiên thánh. Mời các bậc tài giỏi làm lại công việc phiên dịch, lệnh cho quân dung sử Ngự Triều Ân giám hộ tại vườn Nam đào. Vào ngày mồng 1 hay ngày 15 mỗi tháng, nhà Vua đến Quán đánh đạo tràng của Điện Thừa Minh, đích thân cầm bản kinh cũ đối chiếu với bản dịch mới, rồi lại làm bài tựa để ở đầu bản, lại lệnh cho Sư soạn số thông kinh.

Bôn dâng biểu rằng: Bần tăng học từ tiên triết, làm như thanh lưu, được nhận phiên dịch truyện sao chép, hân hạnh được đích thân đến cung đình thờ phụng đức âm, được lệnh tu số tán diễn tại vườn Nam Đào của cung Đại minh. Ánh sáng mặt trời đã rọi đến không thể lẫn tránh được, nên ra sức trên giấy trắng nhưng lại càng hổ thẹn và hoảng sợ nâng ngọc bích dưới thêm son, kính đền Hoàng ân, cúi đầu làm việc trung cần, hết lòng hết dạ, siêng năng dụng bút, nay đã hoàn thành ba quyển, tấu xin cho được lưu hành.

Lại biên thư rằng: Ngày 21 tháng 2 năm nay, được vua ban sắc tu soạn kinh số, Vi tăng học lực kém cõi e làm không xứng chỉ, nên tấy gọi tấm lòng, lảng lạng mà suy tư, lấy từ thiên ngôn, dựa vào Phật lực, kinh luận đều được diễn bày chân tông, cũng như tập hợp các thứ ngọc tại Côn sơn, dựa vào sông lớn mà chảy ra biển cả. Hỏa sanh từ mộc, cùng với lưỡng diệu (mặt trời và mặt trăng) đều sáng rực, thức chuyển về như thể như một dáng hình mà được ánh sáng mạnh chiếu soi. Vật để thành đạo là pháp, vật để ghi pháp là kinh, giải thích kinh là số, quảng độ tất cả cùng ở đại thông, tâm Bồ-Đề này là cửa bệ hạ, biên soạn kinh số nay đã ghi chép hoàn tất, văn có hơn muôn lời, chia ra làm ba quyển, thi hành trộm hổ thẹn theo ngu kiến, thành hình thức vấn đáp đối với Thánh ân. Ngoài ra có niệem tụng nghi quỹ một quyển, điện Thừa Minh giảng kinh Mật Nghiêm, Đối Ngự Ký, một quyển tất cả đồng dâng lên, kính mong xem xét chỉ ngại chưa làm tròn nhiệm vụ.

Đáp chiếu rằng: “Pháp sư Trí Cự Cao minh, dùng từ nhã đẹp dựa

theo bản phạn tuyên bày vi ngôn, đưa những ý nghĩa sâu xa của Chân tông diễn thành chương số, mở kho bí mật của Như Lai, nêu ra chỗ mê lầm của mọi người, xỏ liền châu ngọc để nối từ sâu đến xa. Đọc qua nhiều lần mới biết sự tinh tường, truyền chiêu đề để làm pháp bảo mãi mãi. Nhà vua cho lệnh biểu dương vật báu trong cửa Phật, lại có thuộc chùa chương tín mới thành báo số, người dự thỉnh thường có đến mấy trăm, tuy là giấy đất như ngọc nhưng không thêm, tại nhà, giảng chùa Quốc An, triều đình cung cấp đầy đủ, trong vài năm học trò các nơi trở về tham học rất đông.

Niên hiệu Đại Lịch năm thứ 7, tháng giêng, Bất Không tấu thỉnh xếp vào danh mục, nhà vua chuẩn y, Bôn đã dời về Tập châu vào năm thứ sáu, truyền dạy kinh truyện không lúc nào rảnh. Đến năm thứ mười hai nhằm ngày mồng 10 tháng 3, không bệnh mà mất tại chùa Phù Dương, thọ sáu mươi một tuổi, hai mươi chín tạng lạp, mọi người buồn thương rường pháp bị gãy đổ, sau khi trà-tỳ lấy được hơn trăm hạt xá-lợi từ trong tro, trong di biểu dâng Niệm Tụng Nghi Đối Ngự Ký, hai quyển. Trong đợt tiến kinh lần trước còn giữ lại, cho đệ tử mang đi sau này ở phía Đông thành Thượng Đô có xây phần tháp. Vào niên hiệu Đại Lịch thứ 13, Bôn được triều đình mời làm chức Cung Phụng, từ biện cao siêu, học vấn sâu xa, cuối đời luân lạc, bị lưu đày như Lợi Thiệp, Thân Hội, than ôi!

9. Truyện Lễ Tông Ở Việt Châu Đời Đường:

Thích lễ Tông, họ Tống, người ở Cối Kê, đạo khí mạnh mẽ, có chí cầu huyền vi, nguyện xuất trần, quyết lòng trừ bỏ sự ràng buộc, nghe có Hòa-thượng chùa Trường Thọ Thông Đạt thiền quán, đến xin cầu học, tâm học tập siêng năng không ngừng nghỉ.

Thầy dạy rằng: “Sự xuất gia của ông có lợi ích rất lớn, có thể nói là ngọc tốt, thước đo, tuy có mảnh đất mười sào nhưng không thể che đầy ánh sáng ấy, Sư cố gắng chú thích kinh Niết-bàn, lòng ôm ấp với giấy mực suốt cả hai năm, phá ngăn gỡ rối, mới được suôn sẻ, hoàn thành giáp chú tám mươi quyển. Đến Trịnh Khanh thượng thư Điện Quận, nghe tiếng tăm bèn gửi sứ đến thỉnh, Sư thẳng thừng từ chối không đi.

Vào niên hiệu Cảnh Long năm thứ hai, có ngự sĩ đại phu tên là Phùng Tư, bỗng nhiên bị chết đột ngột tại một nơi, có hai đồng tử cầm sổ dẫn Phùng đến phòng phán quan để kết tội, gọi Phùng nhìn cây cổ thụ kia, nhánh lá che phủ khắp vùng đất rộng lớn, ngồi bên cạnh phán

quan là người quen cũ, tên là Trương Tư Nghĩa, ngoắc tay gọi Phùng rằng: “Ta là cậu của ngươi, từng làm Thương lại Lạc Dương, bị Trương quan việt cách vu khống sát hại, có mượn đỡ tiền dầu và mì ăn trong chùa Thái Bình, đến nay còn chưa trả được, chỗ ngồi của ngươi không hợp với Việt Cách trong cung Thiên Hậu nên có sự chết đột ngột này, hãy phát nguyện tạo kinh Niết-bàn và đúc chuông, sẽ lập tức được tấu phán trả về nhân thế”, lại nói rằng: “Tại xứ Diêm-phù một ngày tạo công đức được phước vô lậu, sao ngươi một đời không tu công đức?”

Kinh Niết-bàn này, truyền thụ từ núi Thiên Thai, do Đại sư Lễ Tông chú giải, mỗi lúc đều có thiện thần giữ hộ. Lúc ấy, Trương sai quỷ sứ áp giải Phùng đến các ty xem xét tội nặng nhẹ và chỗ sanh về, trước khi đi còn dặn rằng: “Ngươi đi Lạc Thành, trong phường Đạo quang, Đường Thập tự, ngôi nhà thứ ba là nhà ta, chung quanh nhà là ao, đình, trúc và cây, hỏi thăm dùm vợ con ta”. Phùng tỉnh dậy kinh chưa tìm được mà lại chết đi. Ba ngày sau đúng hạn trở về viết kinh và đúc chuông, công việc hoàn tất, Phùng được ở đời bốn mươi tám năm mới chết, tuổi thọ của đại sư Lễ Tông lên đến chín mươi bảy tuổi.

10. Truyện Pháp Sần Chùa Thiên Trúc Ở Tiên Đường Đồi Đường:

Thích Pháp Sần, họ Tôn, mẹ nằm mộng thấy nuốt hạt ngọc, từ đó không còn ưa mùi cá thịt, lúc sanh Sư có dị tướng khác thường, bắt đầu mười lăm tuổi từ giã cha mẹ theo thầy, vào chùa và được thọ giới cùng trong năm ấy, hạnh học một khi đã huân tập thì phát triển thành giáo tông, quyển Y lý lập công, chí thích di hình lý tánh cùng với núi rừng, cho nên đại sư Địa Ân Trình trao cho Sư Hoa Nghiêm kinh Bồ-tát giới, Luận Khởi Tín, tâm tri yên tĩnh, Trí thâm hợp với kinh. Một hôm, Sư mộng thấy cõi một con voi lớn bay vụt qua vùng trời biển, trước mặt có dãy núi cản ngang và trời đã tận cùng. Không ngờ chiếc buồm của con thuyền lại vụt lên cao, mây giăng giăng ở phía dưới, giật mình thức dậy mồ hôi ướt áo, từ đấy không cần suy nghĩ gì về nghĩa cú mà toàn văn của một bộ sách thường hiện nơi tâm cảnh, mọi việc đều thấu suốt không gì trở ngại.

Niên hiệu Đại lịch năm thứ hai, Sư giảng tại chùa Long Hưng, mới lên pháp tọa bỗng có lặn ánh sáng lạ màu đỏ. Vừa sáng vừa rộng quây quần bao phủ vùng không gian, người có tu hành lâu trong cuộc nhìn thấy trước, Sư giảng Đại kinh trước sau mười lần, biên soạn nghi ký mười hai quyển. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ mười ba, nhằm ngày mừng

7 tháng 11. Sa-môn Tuệ Giác mộng thấy ngôi tháp lớn lúng xuống đất hai tầng, Sư không bị bệnh gì mà qua đời, thọ sáu mươi mốt tuổi, bốn mươi hai tầng lạp. Ban đầu, Sư giảng tại chùa Thiên Trúc, mở rộng Hoa Nghiêm, đến khi mất Hạo Nhiên ở Ngô Hưng soạn văn bia. Túc công ở Khang thành làm bài hợp tụng cùng biểu dương.

11. Thích Tiềm Chân Chùa Hưng Thiện ở Kinh đô đời Đường:

Thích Tiềm Chân tự Nghĩa Chương, họ Vương, thuộc Hoa tộc ở Thái Nguyên, sau này dời đến làng Sùng đạo thuộc Sóc Phương, Hạ Châu, Chân là người con giữa trong nhà, khi vào học các môn học đều nổi bật, từ thuở nhỏ đã thích học sách Phật, đó là do có thiên tính, đến tuổi đôi mươi bước vào cửa Phật, nhằm niên hiệu Khai nguyên năm thứ 26, đăng tên tại chùa Linh Giác, ở Bản Thành năm sau thọ giới cụ túc. Kể từ đấy nghe tu luật thừa, bước vào biển luận.

Thời vua Đại Tông, vua ban sắc cho Sư soạn số bộ kinh mới dịch là kinh Văn-thù-Sư-Lợi Bồ-tát Phật Sát Trang nghiêm.

Tâu rằng: Kinh này có ba bản dịch, một là vào niên hiệu Thái Hy đời Tây Tấn, do Pháp Hộ dịch tên là kinh Phật Độ Nghiệm Tịnh, lối văn phần nhiều là cổ ngữ, câu thị giản mà nghĩa lý sâu xa. Hai là vào thời Thiên hậu, Thập-Xoa-Nạn-Đà dịch tại chùa Thanh Thiện, tên là kinh Văn-thù Thọ Ký, ba là bản dịch vào niên hiệu Đại Lịch năm thứ sáu này. Cầu mong bệ hạ hãy ban sắc lệnh, con người sẽ quay về với Bửu Đồi, đức độ của Thánh Thượng sanh cùng với trời đất, ánh sáng tỏa ra như nhật nguyệt, lòng nhân thấm nhuần muôn vật, Di dịch ngưỡng đức, mà góp lòng thành với từ tuệ, lợi sanh chính giáo, nường phong độ mà giảng nói hóa độ.

Chẳng bao lâu, Lộc Phường Tiết Độ Sứ kiêm Ngự sử Trung Thừa Đỗ Miện tấu vì nước xin các kinh Đại thừa, vua hạ chiếu xuống đến chỉ viên, phạn chỉ khai mở Bối Diệp, vì vậy thỉnh Tam Tạng Bất Không dịch kinh này ra mấy chục bộ, lại tiếp tục có sắc ban xuống tất cả các chùa trong nước, đều phải thờ tượng Bồ-tát Văn-thù, dựng cờ Thánh công. Lại có chiếu lệnh qui định lấy Văn-thù Bồ-tát làm Thượng tọa, đó là đều là do lời thỉnh của Tam tạng, Tam Tạng học nghiên cứu Du-già giải thích tận cùng Pháp ấn. Thân, khẩu, ý, nghiệp bí mật tu trì, giới định tuệ tuyên bày rõ ràng, biết rõ thanh vận giữa chữ Hán và chữ Phạn, truyền dịch kinh này hay khéo phù hợp với Thánh chỉ, văn chất gồm nhau, sáng ngời dễ xem. Khi Chân thức ngu muội, tài học thô thiển, may được xen lạp vào trong số những vị phiên dịch truyền bá,

Hư Không Tạng kinh khóa hư nhuận sắc, thân hèn được sai khiến thuật số tán dương, tuy văn nghĩa còn thô sơ mà đã được truyền khắp kinh ấp, việc làm này đều có lý do của nó.

Có Đại đức chùa Kim Các, là Thiền sư Đạo Siêu, học suốt nguồn pháp, hạnh khớp hợp với gốc tâm, tận mắt nhìn thấy cảnh linh thiêng của Mật thừa Thánh tử, lâu ngày tại nơi mát mẻ này tu hành tịnh nghiệp, tại nơi ở lại xây dựng một ngôi tháp, tìm quán pháp duyên đến tận kinh quốc, lấy kinh này làm việc lớn, lấy Đại thánh làm bốn sư, biểu dương Thánh đức, không gì hơn nữa. Thiền Chân bèn cúi đầu lạy tam Tạng, thệ truyền pháp môn Đại thánh, không vì Tiềm chân tầm thường, Hòa-thượng xin được biên soạn, Vua không kể sự thô kệch trước đây, vẫn lệnh cho Tiềm Chân tán dịch kinh này, e rằng khó đạt được chân ý, nên dốc hết lòng ngu trẻ mà cố sức. Vào niên hiệu Đại lịch năm thứ tám, tháng 11 bản sơ đã hoàn thành, bèn tấu trình lên.

Tiềm Chân học thông suốt nội ngoại, tánh tướng dung thông, xét chỗ sâu xa, tinh nghiên giáo lý. So sánh lại sự sâu xa của xưa nay, phân biệt dị đồng quy về một nghĩa, biện luận như suối chảy, quy về hư không. Thẳng bút mà ghi chép về tuyệt xứng, kết thành ba quyển để làm dây mực, hiện tại vị lai dứt hẳn lưới nghi. Lại soạn Bồ-Đề tâm nghĩa, phát Bồ-Đề tâm giới, đều một quyển. Tam Tụ tịnh Giới và thập Thiện Giới cộng chung một quyển. Kiềm Bẩm thừa Bí giáo của Bất không nhập Mạn-noa-la, lên đàn Quán Đảnh, thọ thành Phật ấn. Hiến giáo và Mật giáo đều truyền đi rộng khắp. Quan nội, Hà đông, Đại lịch, bốn triều mở rộng diệu chỉ, đệ tử đông đúc, cộng thêm cương kỷ của Hưng Thiện và Bảo Thọ hai nơi già-lam. Khuyến răn tăng ni dù có sức thật cũng phải lấy lòng chính đáng làm chuẩn mực, dặn dò xong, ngày 14 tháng 5 Sư bị bệnh, đến ngày 21, từ hông sườn bên phải tê đến chân (bất thân bất toại), miệng tụng danh hiệu Phật A-di-đà, Sư qua đời tại bản viện Hưng Thiện, thọ bảy mươi một tuổi, bốn mươi chín tăng lạp.

12. Truyện Trừng Quán Chùa Thanh Lương ở núi Ngũ Đài đời Đường:

Thích Trừng Quán, họ Hạ Hầu, người Sơn Âm thuộc Việt Châu, năm mười một tuổi đã xuất gia với Thiền sư Bái chùa Bảo Lâm (nay là núi Ứng Thiên), tụng kinh Pháp Hoa, mười bốn tuổi ngộ ân được độ, thuộc về chùa này. Sư đáng người tuần tú cao sang, không bận rộn về những việc lặt vặt, bèn đi thăm viếng các danh sơn cầu bí tạng, theo lễ luật sư tại chùa Thê Hà ở Nhuận Châu, học tập tướng bộ luật, dựa

theo Nam sơn luật, đến chỗ pháp sư Huyền Bích ở Kim Lăng, được ngài truyền Quan hà tam luận, Tam luận được thịnh hành tại Giang nam, biểu hiện sự góp sức của Trùng Quán. Trong niên hiệu Đại Lịch tại chùa Ngõa Quan được truyền Luận Khởi Tín, kinh Niết-bàn, lại được ngài pháp Tạng ở Hoài Nam dạy cho Hải Đông Khởi Tín sơ nghĩa, trở lại chỗ Pháp sư Sần chùa Thiên Trúc ôn tập Hoa Nghiêm đại kinh, bảy năm sau đến Diệm Khê. Từ Thành đô nơi pháp sư Tuệ Lương tìm học lại tam luận, mười năm tại Tô châu, theo pháp sư Trạm Nhiên học Thiên Thai Chỉ Quán, Pháp Hoa, Duy-Ma kinh sơ, hiểu từ Thượng trí tính tự thiên nhiên, các văn đã học như xả bỏ luôn qua, rồi lại đến núi Ngũ Đài yết kiến Trung sư, Khâm sư ở kính sơn, ở Vô Danh Sư Lạc Dương v.v... thưa hỏi về yếu quyết của thiền pháp Nam Tông. Lại đi gặp Pháp sư Tuệ Vân tìm hiểu về huyền lý của Bắc Tông. Quán tự nhủ rằng: Bản thân đã viếng các bậc Thánh khắp mọi nơi thật là gói tâm vào cảnh Phật vậy.

Quán được trí tuệ từ đời trước, học kỹ nghệ trong nhân gian, nên phiên dịch kinh truyện, tử sử, tiểu học, Thương nhĩ, Thiên-trúc, Tất-đàm v.v... Các bộ dị chấp, bốn bộ Vi-đà, năm minh, thể lệ bí chú đến thiện tụng lời bút vết sách, Sư đều thông suốt. Tính đa năng ấy từ thiên chân mà có.

Niên hiệu Đại Lịch năm thứ 11, Quán thể quyết tâm đến núi Ngũ Đài, viếng lễ theo thứ lớp, được rất nhiều bổ ích. Còn đến Ngã Mi cầu kiến Phổ Hiền, đeo núi vượt hiểm để xem Thánh tượng, khi trở về núi Ngũ Đài ở chùa Đại Hoa Nghiêm, chuyên thực hành Phương đẳng sám pháp, lúc ấy chủ chùa Hiền Lâm mời giảng Đại kinh và giảng các luận. Vì chê Hoa Nghiêm cựu sơ văn nhiều mà nghĩa kém, lại suy nghĩ về lâu dài, hướng gì có Văn-thù đứng đầu về trí, Phổ Hiền đứng đầu về lý, hai vị Thánh hợp thành Tỳ-lô-giá-na, muôn hạnh đều thông, tức là nghĩa của Hoa Nghiêm. Ta đã viếng thăm cảnh của Phổ Hiền, dừng chân nơi tốt lành, không làm sơ Tỳ-lô e là cô sẽ phụ hai vị Thánh ấy. Cho nên Quán bắt đầu soạn sơ. Bỗng nằm mộng gặp một người vàng, xoè tay ôm lấy, nhai và nuốt hết, đó là tượng trưng nuốt lấy sáng suốt và chiếu tỏa ra khắp nơi, ba năm sau công việc hoàn thành, gồm hai mươi quyển. Bền trai tăng một ngàn vị tăng để chúc mừng.

Sư thường hay nghĩ đến việc giảng dạy, bỗng mộng thấy thân mình hóa thành rồng ngóc đầu về phía Nam đài, đuôi thì quay về núi bắc, chụp lấy Bích châu, vẩy râu chói lợi rực rỡ. Khoảnh khắc quanh quần hóa thành hàng ngàn con rồng nhỏ, bay bổng lên tận mây xanh

mà đi tứ tán, tượng trưng cho giáo pháp sẽ phân ố ra khắp nơi. Năm thứ tư chủ chùa là Hiền Lâm mời Sư giảng tân số, năm thứ bảy Hà Đông Tiết Độ Sư Lý Tự Lương thỉnh về giảng tại chùa Sùng Phước. Vua Đức Tông nhờ Trung sứ Lý Phụ Quang truyền chiếu vào đô cùng với Tam tạng Bát-nhã người nước Kế-tân dịch, phần sau của Hoa Nghiêm bốn mươi quyển, Ô Đồ quốc vương vừa tiến dâng. Sư từ khước để lại năm sau mới vào việc, vua chuẩn y, lúc khởi hành vào kinh, trên đường đến Bồ-tần, Trung lệnh Lương công lưu Sư lại trụ tại chùa Thê Nham ở núi Trung Điều, trong chùa có vị thiền khách, mày xoắn tóc cắt, tự là Si nhân, ca múa nói lảm nhảm, nhưng hề nói ra điều gì thì thường có linh nghiệm trước khi Sư chưa đến thì cuồng tăng đã hối thúc chúng tăng trong chùa hãy quét dọn sạch sẽ, để chào đón Bồ-tát không lâu nữa sẽ đến đây. Cuồng tăng lại giỏi về vẽ Chỉ bích họa Tán Chỉ đại tướng và sơn lộc trên tường, kể từ khi Sư đến đây, cuồng tăng im lặng không quậy phá nữa, đến tháng 5, Trung sứ Hoắc Tiên Minh truyền chiếu Vua hối thúc vào kinh. Sư đến cung thành, nhà Vua rất trọng hậu, mời vào dịch trường làm công việc đình chính, lại ban lệnh cho soạn số, bèn biên soạn mười quyển trình lên, lại ban lệnh ở Lương Nhai mỗi nơi đều giảng một lần làm số, ngoài ra còn dịch Kinh Thủ Hộ Quốc giới chủ.

Sư sửa văn nhuận sắc. Thuận Tông ở Xuân cung, có lần ban lệnh soạn liễu nghĩa một quyển, Tâm yếu một quyển và nhân duyên ăn thịt mắc tội. Khi Sư đến Trường an lễ tiếp đón càng thêm trọng hậu, triều thần quy hướng, như Tề tướng quốc Hàng vi, thái thường Cừ Mâu đều kết thành tâm giao. Ngoài ra, tướng Vũ Nguyên Hành, Trịnh Nhân, Lý Cát Phủ, Quyền Đức Dư, Lý Phùng Tát, Trung thư Xá Nhân Tiên Huy, binh bộ thị lang Quy Đăng, Tiết độ sứ Tương Dương là Nghiêm Thu, quán sát sứ Việt Châu là Mạnh Giãn, Hồng Châu Vi Đan đều mến mộ phong độ thanh cao của Sư, theo mà thọ giáo huấn.

Sư thường ở dưới lầu Bát-nhã ở chùa Vân Hoa mới xây cất, vẽ Hoa Tạng đồ tướng, lại soạn Tùy số, diễn nghĩa bốn mươi quyển, do Tể tướng Doãn thỉnh soạn Hoa Nghiêm kinh cương yếu một quyển, pháp giới huyền giám một quyển. Tam thánh Viên Dung Quán một quyển, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng-già, luận Trung Quán v.v...tiểu sao số, gồm ba mươi quyển. Lập đại hội Vô Già, Thập Nhị trung, còn tạo các hình tượng, kinh sách biên soạn nhiều không thể kể hết.

Môn nhân là Thanh Miện ghi lại rằng: Sư bình thường phát mười nguyện như sau: 1. Thời gian ở Phương trượng dài, nhưng ý bất không chứa dư. 2. Danh lợi đương thời bỏ như đám dãi. 3. Mắt không nhìn

nữ sắc. 4. Thân không đến nhà thế tục. 5. Không bỏ việc trì tụng kinh Pháp Hoa. 6. Thường đọc kinh điển Đại thừa mãi, bố thí khắp hàm linh. 7. Giảng Đại kinh Hoa Nghiêm. 8. Suốt đời ngày đêm không nằm. 9. Không cầu danh, mê hoặc đại chúng. 10. Bất thối Đại từ bi, cứu giúp khắp pháp giới. Sư suốt đời thường y theo nguyện mà tu hành.

Sư thọ được bảy mươi tuổi, đệ tử truyền pháp được hơn trăm vị, có thể giảng được cũng cả ngàn vị.

13. Truyện Lương Tú chùa Tây Minh Kinh đô Đời Đường:

Thích Lương Tú, họ Quách, người Bồ Tân, tuổi còn trẻ đã rời tục, đến chùa Bá Thê ở núi Trung Điều xuống tóc, tụng thông kinh nghiệp, thọ giới cụ túc, thề lấy truyền đạo giảng kinh làm nghề nghiệp của mình, siêng năng cực nhọc, Tam tạng đều nằm ngoài chín dòng, lúc ấy sách vở không được tôn sùng.

Niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ tư Sư vâng chiếu cùng Tam Tạng Bát-nhã người nước Kế-tân dịch kinh Đại thừa lý thú Ba-la-mật kinh mười quyển, đến ngày mừng 4 tháng 2 năm thứ năm hoàn thành, viết xong bản trình lên, vua Đức tông lại lệnh cho soạn sớ.

Tú dâng biểu tâu rằng: Ngày 28 tháng 11 năm rồi Hữu Nhạicông Đức sứ Vương Hy Thiên vâng lệnh tuyên cho Sư tu soạn lại Đại Thừa lý thú lục ba La Mật kinh sớ. Kính nghe chí đạo cùng nguồn, bậc Thánh đều nhất quán, bậc Đại Hùng thị hiện giảng nói diệu âm tại vườn Cấp Cô Độc, ngôi báu phân thân thấm nhuần song khuyết. Mặt trời Phật hơn mặt trời thánh, hàng phục ty luân nơi pháp thân. Cho nên dương buồm thuyền từ giúp cho người được sống trong cảnh thọ. Bằng không sao nắm được chân lý cho phù hợp, nên phải ngừng lại mà cảm thông, hướng chỉ kinh này là pháp môn độ chúng sanh, là mật ấn của Như Lai, được Bửu hàm của Bạch mã mà mở bí tạng của Thanh long, là nghĩa lý bậc nhất để bỏ nơm lộng, thừa thuyết sau cùng không có phân biệt, lại lấy thiên văn phát sáng nhằm chiếu rọi lại chân như khế tâm đã vạch rõ nơi cửa Phật.

Soạn lời tựa Bát-nhã là văn xuôi của vua Thái Tông, đã được thấm nhuần tận gốc rễ, sương móc thấm nhuần đến với cành lá, bọn Lương tú v.v... học kém hiểu ít, học tánh dị sanh, lầm gởi thảo luận, mong được hiểu cho. Thượng thừa nghiêm chỉ, luống nhọc dùng ống, nhìn trời kính vâng bốn sự, sợ thặng đường mà trông đàn, nay đã soạn sớ một quyển trao cho Vương Hy Thiên tùy biểu dâng tiến. Cúi mong thánh từ hứa cho Sa-môn cùng soạn sớ là Đàm Diên tại chùa Tán Diển

cùng lưu bố trong ngoài, hy vọng chân ngôn này sẽ được chỉ bày rõ ràng cho người mới học, rõ ràng tượng giáo truyền bá đến tương lai.

Nhà vua xem xong, lệnh cho cấp nội sự Mao Anh Kỳ, Tuyên úy Lương Tú, Đàm Diên, Đạo Hằng, cùng bàn cho chín mươi xấp vải lụa, về việc soạn số nghĩa có công lao rất lớn, hề thu đều ban thư vấn an, không biết Sư mất vào năm nào.

14. Truyện Tuệ Lâm chùa Tây Minh Kinh Sư Đời Đường:

Thích Tuệ Lâm họ Bùi, người nước Sơ-lặc. Ban đầu thờ Bất Không Tam Tạng, làm việc quét dọn trong thất. Nội trì mật tạng, bên ngoài thì nghiên cứu Nho học. Thánh minh của Ấn-độ, cổ huấn của Trung Hoa đều tinh rỗng, cho rằng dịch Phạn thành Hán, Hán đều là điển tịch, hễ điển tịch thì dùng tế ngữ trời Tây, tham hợp ý Phật, xét kỹ đúng sai, soạn thành Đại Tạng Âm Nghĩa một trăm quyển, từ niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ tư đến Nguyên Hòa năm thứ 5 mới hoàn thành, cất chứa bản ấy trong Tây Minh Tạng, trong kinh thành đều kính ngưỡng.

Nước Cao-ly tuy có Tam Hàn Di Tộc, nhưng riêng chuộng Đạo Phật. Thời Chu Hiển Đức sai sứ mang vàng đến, cầu Tuệ Lâm giảng dạy về âm và nghĩa, vì lúc ấy không có bản này lưu hành.

Sư qua đời vào niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ 15 tại nơi ở, thọ tám mươi bốn tuổi, sau khi Sư qua đời năm năm, có tấu thỉnh nhập vào tạng mà lưu hành.